

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ : ƯỚC MƠ

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Củng cố và mở rộng vốn từ thuộc chủ điểm *Trên đôi cánh ước mơ*.
2. Bước đầu phân biệt được giá trị những ước mơ cụ thể qua luyện tập sử dụng các từ bổ trợ cho từ *ước mơ* và tìm ví dụ minh họa.
3. Hiểu ý nghĩa một số thành ngữ thuộc chủ điểm.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Một số tờ phiếu kẻ bảng để HS các nhóm thi làm BT2, 3 + từ điển hoặc một vài trang phô tô từ điển (nếu có).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ : Một HS nói lại nội dung cần ghi nhớ trong bài LTVC tuần 8 (*Dấu ngoặc kép*). Sau đó, mời 2 bạn viết lên bảng 2 ví dụ về sử dụng dấu ngoặc kép trong hai trường hợp – tìm trong phần Luyện tập (tr.83, SGK) :

- HS1 sử dụng dấu ngoặc kép dùng để dẫn lời nói trực tiếp.

– HS2 sử dụng dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài : Các bài học trong hai tuần qua đã giúp các em biết thêm một số từ ngữ thuộc chủ điểm *Trên đôi cánh ước mơ*. Tiết LTVC hôm nay sẽ giúp các em mở rộng vốn từ ngữ, thành ngữ thuộc chủ điểm này.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của bài.

– HS cả lớp đọc thầm bài *Trung thu độc lập*, tìm từ cùng nghĩa với *ước mơ*, ghi vào sổ tay từ ngữ. GV phát giấy cho 3 – 4 HS.

– HS phát biểu ý kiến, có thể kết hợp giải nghĩa từ. GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng :

+ *Mơ tưởng* : mong mỗi và tưởng tượng điều mình mong mỗi sẽ đạt được trong tương lai.

+ *Mong ước* : mong muốn thiết tha điều tốt đẹp trong tương lai.

Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của bài.

– GV phát phiếu và một vài trang từ điển phó từ (nếu có) cho các nhóm trao đổi, thảo luận, tìm thêm những từ cùng nghĩa với từ *ước mơ*, thống kê vào phiếu.

– Đại diện mỗi nhóm dán bài lên bảng lớp, đọc kết quả.

– Cả lớp và GV nhận xét. Gặp những từ chưa đúng, GV hướng dẫn cả lớp trao đổi, thảo luận. VD : nếu HS ghi từ cùng nghĩa với *ước mơ* là : *ước hẹn, ước đoán, mơ màng...*, GV nên phân tích nghĩa để HS loại các từ ấy ra khỏi nhóm cùng nghĩa. Sau đó, tổng kết xem nhóm nào có nhiều từ đúng.

– HS làm bài vào vở hoặc VBT theo lời giải đúng :

Bắt đầu bằng tiếng *ước* : ước mơ, ước muốn, ước ao, ước mong, ước vọng

Bắt đầu bằng tiếng *mơ* : mơ ước, mơ tưởng, mơ mộng

Bài tập 3

– HS đọc yêu cầu của bài (*Ghép thêm vào sau từ "ước mơ" những từ ngữ thể hiện sự đánh giá về những ước mơ cụ thể*).

– HS các nhóm tiếp tục làm bài trên phiếu.

– Đại diện mỗi nhóm dán bài lên bảng lớp, trình bày kết quả.

– Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

+ Đánh giá cao	<i>ước mơ đẹp đẽ, ước mơ cao cả, ước mơ lớn, ước mơ chính đáng.</i>	
+ Đánh giá không cao		<i>ước mơ nhỏ nhỏ.</i>
+ Đánh giá thấp		<i>ước mơ viễn vông, ước mơ kì quặc, ước mơ đại dột.</i>

Bài tập 4

- HS đọc yêu cầu của bài (Nêu ví dụ minh họa về một loại ước mơ nói trên).
- GV nhắc HS tham khảo gợi ý 1 trong bài *Kể chuyện đã nghe, đã đọc* (tr.80, SGK) để tìm ví dụ về những ước mơ.
- Từng cặp HS trao đổi. Mỗi em nêu 1 ví dụ về 1 loại ước mơ.
- HS phát biểu ý kiến. GV nhận xét.

VD :

+ Ước mơ được : đánh giá cao	Đó là những ước mơ vươn lên làm những việc có ích cho mọi người, như : <ul style="list-style-type: none">- Ước mơ học giỏi để trở thành thợ bậc cao, / trở thành bác sĩ, / kĩ sư, / phi công, / bác học, / trở thành những nhà phát minh sáng chế, / những người có khả năng ngăn chặn lũ lụt, / tìm ra loại thuốc chữa các chứng bệnh hiếm nghèo...- Ước mơ về một cuộc sống no đủ hạnh phúc, không có chiến tranh.- Ước mơ chinh phục vũ trụ...
+ Ước mơ được : đánh giá không cao	Đó là những ước mơ giản dị, thiết thực, có thể thực hiện được không cần nỗ lực lớn : ước muốn có truyện đọc / có xe đạp / có một đồ chơi / có đôi giày mới / chiếc cặp mới.
+ Ước mơ bị : đánh giá thấp	Đó là những ước mơ phi lí, không thể thực hiện được ; hoặc là những ước mơ ích kỉ, có lợi cho bản thân nhưng gây hại cho người khác : <ul style="list-style-type: none">- Ước mơ viên vông của chàng Rít trong truyện <i>Ba điều ước</i>.- Ước mơ thể hiện lòng tham không đáy của vợ ông lão đánh cá.- Ước mơ tâm thường – ước được ăn đôi chó – <i>Ba điều ước</i>.- Ước đi học không bị cô giáo kiểm tra bài, ước được xem ti vi suốt ngày, ước không phải học mà vẫn được điểm cao, ước không phải làm mà cái gì cũng có...

(HS có thể kết hợp làm BT3+4. Sau khi ghép đúng vào sau từ *ước mơ* những từ ngữ thể hiện sự đánh giá về những ước mơ cụ thể, các em nêu ví dụ minh họa về từng loại ước mơ.)

Bài tập 5 (Tìm hiểu các thành ngữ).

- HS đọc yêu cầu của bài, từng cặp trao đổi.
- HS trình bày cách hiểu thành ngữ. GV bổ sung để có nghĩa đúng :
 - + *Cầu được ước thấy* : đạt được điều mình mơ ước.
 - + *Ước sao được vậy* : cùng nghĩa với *Cầu được ước thấy*.
 - + *Ước của trái mùa* : muốn những điều trái với lẽ thường.
 - + *Đúng núi này trông núi nọ* : không bằng lòng với cái hiện đang có, lại mơ tưởng tới cái khác chưa phải của mình.

– Đối với các lớp có trình độ khá, giỏi, GV có thể mời một vài HS nêu hoàn cảnh sử dụng từng thành ngữ để thực sự hiểu nội dung các thành ngữ. VD :

- Mẹ tặng con đúng thứ đồ chơi rô-bốt con đang ao ước. Thật là *cầu được ước thấy*.

- Này, *ước sao được vậy* nhé, đội bóng của bọn mình đã lọt vào vòng chung kết rồi đấy !

- Cậu chỉ toàn *ước của trái mùa*, bây giờ bói đâu ra loại bút máy Kim Tinh ấy !

- Cậu hãy yên tâm học vẽ đi, đừng *đừng núi này trông núi nọ*...

– HS học thuộc lòng các thành ngữ.

3. củng cố, dặn dò : GV nhận xét tiết học. Yêu cầu HS nhớ các từ đồng nghĩa với từ *ước mơ*, HTL các thành ngữ ở BT4.